Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9013.10.10

Mã HS	9013.10.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị tạo tia laser, trừ đi-ốt laser; các thiết bị và dụng cụ quang học khác, chưa được nêu hoặc chi tiết ở nơi nào khác trong Chương này / - Kính ngắm để lắp vào vũ khí; kính tiềm vọng; kính viễn vọng được thiết kế là bộ phận của máy, thiết bị, dụng cụ hoặc bộ dụng cụ của Chương này hoặc Phần XVI: / - - Kính ngắm để lắp vào vũ khí; kính tiềm vọng
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 06:29:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90131010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18022
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18022
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18022
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17331
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17260
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17260
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17260
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17260
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17260
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17260
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17316
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17316
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17316
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17316

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17316
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17316
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17317
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17317
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17317
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17317
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17317
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17317
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17322
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17278
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17274
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17274
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17274
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17274
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17274
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17274
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17320
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17320
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17320
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17320
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17320
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17320
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17382
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17382
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17382
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17382
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17382
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17358
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17358
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17358
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17358
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17358
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17358
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17353
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17353
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17353
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17353
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17353
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17353
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17383
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17383
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17383
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17383
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17383
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17383
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17382
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17382
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17382
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17382
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17382
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17476
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17476
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17476
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17476
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17476
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17476
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17476
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17345
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17345
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17345
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17345
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17345
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17345
RCEP B	2022	2022	0	B!D17345
RCEP B	2023	2023	0	B!E17345
RCEP B	2024	2024	0	B!F17345
RCEP B	2025	2025	0	B!G17345
RCEP B	2026	2026	0	B!H17345
RCEP B	2027	2027	0	B!I17345
RCEP C	2022	2022	0	C!D17343
RCEP C	2023	2023	0	C!E17343
RCEP C	2024	2024	0	C!F17343
RCEP C	2025	2025	0	C!G17343
RCEP C	2026	2026	0	C!H17343
RCEP C	2027	2027	0	C!I17343
RCEP D	2022	2022	0	D!D17342

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17342
RCEP D	2024	2024	0	D!F17342
RCEP D	2025	2025	0	D!G17342
RCEP D	2026	2026	0	D!H17342
RCEP D	2027	2027	0	D!I17342
RCEP E	2022	2022	0	E!D17346
RCEP E	2023	2023	0	E!E17346
RCEP E	2024	2024	0	E!F17346
RCEP E	2025	2025	0	E!G17346
RCEP E	2026	2026	0	E!H17346
RCEP E	2027	2027	0	E!I17346
RCEP F	2022	2022	0	F!D17345
RCEP F	2023	2023	0	F!E17345
RCEP F	2024	2024	0	F!F17345
RCEP F	2025	2025	0	F!G17345
RCEP F	2026	2026	0	F!H17345
RCEP F	2027	2027	0	F!I17345
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16264
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16264
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16264
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16264

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9013.10 có 2 dòng thuế; dòng 9013.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kính ngắm để lắp vào vũ khí; kính tiềm vọng.	9013.10.20 Kính viễn vọng được thiết kế là bộ phận của máy, thiết bị, dụng cụ hoặc bộ dụng cụ của Chương này hoặc Phần XVI	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9013.10.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9013.10.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9013.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9013.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18022), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.